

CTCP DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI (HNX - NCT) BÁO CÁO CẬP NHẬT KQKD

MUA

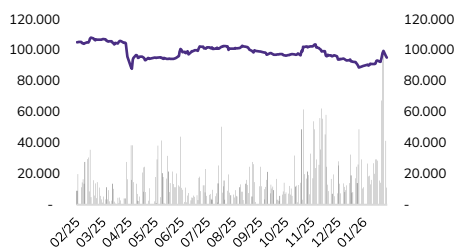
Nguyễn Thị Kỳ Duyên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: DV hàng không
Ngày báo cáo	: 02/02/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 96.500
Giá mục tiêu	: 139.000
Tỷ lệ tăng	: +44,0%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 2.491
SLCPĐLH (CP)	: 26.165.940

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Q4/2024	Q4/2025
Tăng trưởng DTT (%)	34,9%	34,2%
Tăng trưởng LNST (%)	42,1%	59,9%
Biên LNG (%)	44,8%	50,1%
Biên LNST (%)	27,8%	33,1%
ROA (%)	41,1%	45,3%
ROE (%)	53,7%	61,1%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,00	0,00
EPS (VND/CP)	2.947	4.713
BVPS (VND/CP)	21.339	27.143

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Lợi nhuận đạt kỷ lục

- KQKD Q4/2025: Doanh thu và lợi nhuận đều đạt kỷ lục**
 - ✓ Doanh thu thuần (DTT) và lợi nhuận gộp đều đạt mức cao kỷ lục, lần lượt là 373 tỷ đồng (+34,2% svck) và 187 tỷ đồng (+50,1% svck). Biên lợi nhuận gộp Q4/2025 tăng rất mạnh lên 50,1% (+5,3 điểm phần trăm svck), tuy nhiên chúng tôi cho rằng đây có thể do yếu tố thời điểm ghi nhận chi phí do biên lợi nhuận gộp đã giảm rất mạnh trong Q3/2025.
 - ✓ Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (HĐTC) đạt 9 tỷ đồng (+183% svck) nhờ lãi tiền gửi ngân hàng tăng trong kỳ.
 - ✓ Chi phí BH&QLDN tăng lên 40 tỷ đồng (+31,8% svck) do gia tăng chi phí xúc tiến thương mại và quản lý nhân công, lần lượt là 28,7% svck và 32,7% svck.
 - ✓ LNST của Cổ đông công ty mẹ đạt mức cao nhất từ trước đến nay 123 tỷ đồng (+59,9% svck). Biên lợi nhuận ròng trong quý ở mức rất cao 33,1% (+5,3 điểm phần trăm svck).
- Lũy kế cả năm 2025:**
 - ✓ DTT của NCT trong cả năm ghi nhận 1.212 tỷ đồng (+24,2% svck) nhờ các yếu tố: 1) Tổng sản lượng khai thác đạt khoảng 423 nghìn tấn hàng hóa, tăng 14% svck nhờ các hãng hàng không NCT phục vụ đều tăng mạnh hoạt động xuất nhập khẩu; 2) Chính sách tăng giá dịch vụ trong năm 2025 svck. Hiện nay NCT đang chiếm khoảng 70% thị phần hàng hóa nội địa và 50% hàng hóa quốc tế ở sân bay Nội Bài.
 - ✓ Các mảng kinh doanh chính của NCT đều ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ như sau: 1) mảng phục vụ hàng hóa hàng không đạt 400 tỷ đồng (+43,8% svck, chiếm 33% DTT); 2) mảng hỗ trợ hàng hóa đạt 522 tỷ đồng (+23,3% svck, chiếm 43,1% DTT); 3) mảng lưu kho, bảo quản lạnh đạt 141 tỷ đồng (+34,5% svck, chiếm 11,6% DTT); 4) mảng kinh doanh khác đạt 149 tỷ đồng (+30,1% svck, chiếm 12,3% DTT).
 - ✓ Lợi nhuận gộp đạt 564 tỷ đồng (+28,6% svck) do giá vốn hàng bán tăng chậm hơn. Biên lợi nhuận gộp cả năm là 46,5% (+1,6 điểm phần trăm svck), đã phục hồi so với mức thấp năm 45% của năm 2024 cho thấy sự cải thiện nhẹ về hiệu quả hoạt động.
 - ✓ Lợi nhuận từ HĐTC tăng mạnh so với cùng kỳ lên 50 tỷ đồng (+71,7% svck) nhờ: 1) lãi tiền gửi ngân hàng tăng lên 21 tỷ đồng (+81,7% svck); 2) cổ tức từ khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tăng lên 28 tỷ đồng (+66,7% svck).
 - ✓ Doanh nghiệp không phát sinh chi phí tài chính và chi phí lãi vay trong nhiều năm.

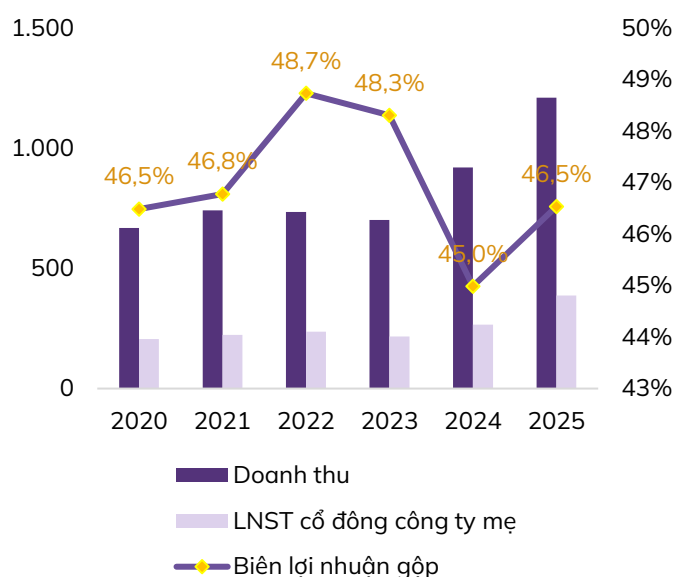
KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA NCT Q4/2025 & năm 2025

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	Q4/2024	Q4/2025	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	278	373	34,2%	976	1.212	24,2%
Lợi nhuận gộp	124	187	50,1%	439	564	28,6%
Biên LN gộp	44,8%	50,1%		44,9%	46,5%	
Chi phí BH & QLDN	-31	-40	31,8%	-136	-112	-17,7%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	-11,0%	-10,8%		-14,0%	-9,3%	
Doanh thu tài chính	3	9	183,4%	29	50	71,7%
Chi phí tài chính	0	0	271,8%	0	0	-25,2%
Chi phí lãi vay	0	0	n/a	0	0	n/a
Lợi nhuận tài chính	3	9	183,0%	29	50	72,3%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	97	155	60,4%	331	477	44,2%
Lợi nhuận trước thuế	97	155	60,2%	331	479	44,9%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	77	123	59,9%	266	387	45,4%
Biên LN ròng	27,8%	33,1%		27,3%	32,0%	

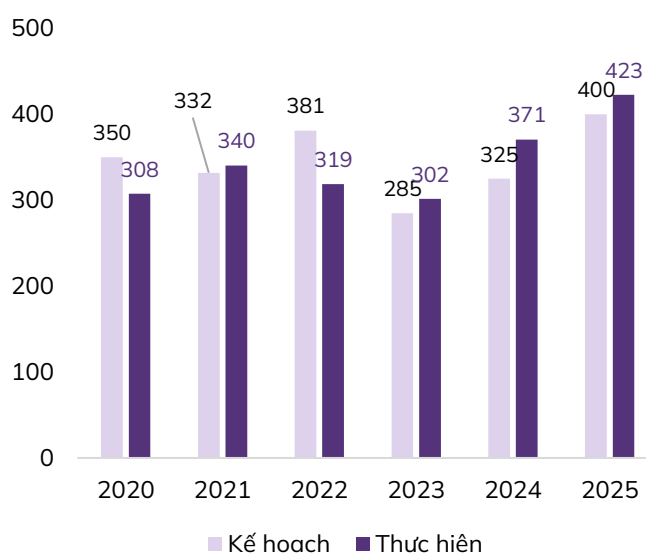
Nguồn: NCT, ABS Research

- ✓ Kết quả LNST của Cổ đông Công ty mẹ đạt 387 tỷ đồng (+45,4% svck), biên lợi nhuận ròng đạt 32% (+2,7 điểm phần trăm svck). Với kết quả tích cực như trên, công ty đã hoàn thành 120% kế hoạch doanh thu và 143% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.
- Công ty có sức khỏe tài chính rất lành mạnh, hoàn toàn không có vay nợ.
- ✓ Công ty dự trữ lượng tiền dồi dào, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của NCT đạt 970 tỷ đồng (+30,9% so với đầu năm), tăng chủ yếu do tiền và tiền gửi ngân hàng tăng lên 636 tỷ đồng (+44,3% so với đầu năm, chiếm 65,5% tổng tài sản). Gia tăng tiền gửi giúp NCT củng cố thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và chủ động chi trả cổ tức. Về chính sách cổ tức, công ty duy trì mức trả cổ tức bằng tiền mặt rất cao cho cổ đông, thường xuyên ở mức trên 75%/vốn điều lệ, trong đó công ty đã từng trả cổ tức với tỷ lệ 100%/vốn điều lệ trong năm 2016.
- ✓ Công ty hoàn toàn không có nợ vay. Trong lịch sử hoạt động của doanh nghiệp, nợ vay ngân hàng thường duy trì ở mức bằng 0. Điều này giúp NCT không chịu áp lực chi phí lãi vay, giảm thiểu rủi ro tài chính đồng thời duy trì tính ổn định cao trong dòng tiền và lợi nhuận.
- ✓ Dòng tiền từ HĐSXKD rất khỏe mạnh, dương thường xuyên, giúp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

Doanh thu, lợi nhuận (tỷ đồng) và biên lợi nhuận gộp (%)

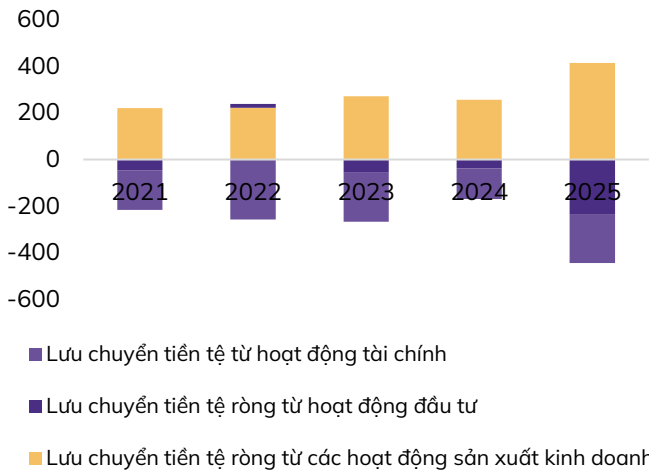


Sản lượng khai thác (nghìn tấn)

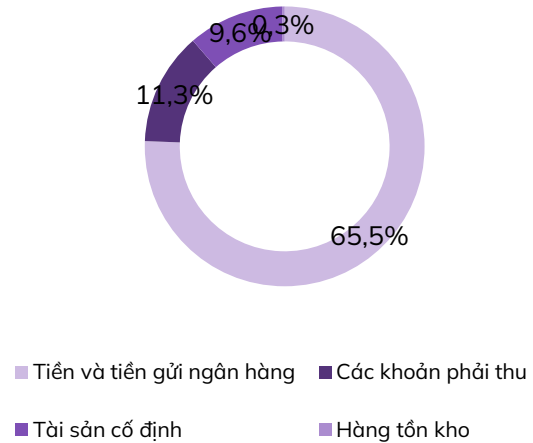


Nguồn: NCT, ABS Research

Dòng tiền của NCT (Tỷ đồng)



Cơ cấu tài sản của NCT tại ngày 31/12/2025



Nguồn: NCT, ABS Research

- **Triển vọng và Định giá:** Chúng tôi cho rằng triển vọng hoạt động sản xuất kinh doanh của NCT trong năm 2026 là tích cực.
- ✓ **Sản lượng hàng hóa khai thác dự kiến tăng trưởng với động lực chính là hàng hóa vận tải hàng không quốc tế.**
 - Sản lượng hàng hóa nội địa tăng trưởng ổn định trong năm 2026 nhờ các yếu tố: 1) Vị thế dẫn đầu của NCT trong mảng hàng hóa nội địa tại sân bay Nội Bài, với thị phần khoảng 70%, giúp doanh nghiệp duy trì sản lượng nền ổn định; 2) Tăng trưởng thương mại điện tử duy trì ở mức cao: Bộ Công Thương dự báo quy mô thị trường TMĐT Việt Nam cuối năm 2025 đạt khoảng 32 tỷ USD, tăng ~22% YoY và được kỳ vọng duy trì tăng trưởng 20%/năm trong giai đoạn 2026 -2030 qua đó thúc đẩy nhu cầu vận chuyển hàng hóa nhanh liên vùng, đặc biệt trên các tuyến trục Bắc – Trung – Nam; 3) Mạng bay nội địa tiếp tục được mở rộng bởi các hãng hàng không Việt Nam và tần suất chuyến bay duy trì ổn định.
 - Sản lượng hàng hóa quốc tế dự kiến là động lực tăng trưởng của NCT trong năm 2026. Các yếu tố hỗ trợ tăng trưởng bao gồm: 1) Hoạt động thương mại và xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, đặc biệt ở các nhóm hàng có giá trị cao và yêu cầu thời gian giao nhận nhanh như điện tử, linh kiện, thiết bị công nghệ, dệt may; 2) Dòng vốn FDI vào khu vực miền Bắc duy trì ổn định, tập trung tại các trung tâm sản xuất như Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hải Phòng, qua đó tạo nhu cầu bền vững đối với vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không; 3) Mạng bay quốc tế và tần suất chuyến bay tiếp tục được khôi phục và mở rộng. Tăng tỷ trọng hàng hóa quốc tế sẽ giúp hạn chế xu hướng suy giảm biên lợi nhuận, qua đó góp phần ổn định biên lợi nhuận gộp trong năm 2026.
- ✓ Doanh nghiệp có chính sách chi trả cổ tức rất cao cho cổ đông nắm giữ, sức khỏe tài chính lành mạnh, hoàn toàn không có vay nợ.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của ở mức 450 tỷ đồng (+16,1% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 17.197 đ/cp và 44.340 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 5,6x và 2,7x lần. ROE dự kiến đạt 38,8%.
- ✓ Chúng tôi định giá NCT theo phương pháp so sánh P/E và P/B. Mức giá mục tiêu trong 12 tháng tới của cổ phiếu này là 139.000 đ/cp (+44,0% so với giá hiện tại). Do đó, chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu này.

PHỤ LỤC – MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA NCT

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	736	702	921	1.212
Giá vốn	(377)	(363)	(506)	(648)
Lợi nhuận gộp	359	339	414	564
Doanh thu tài chính	18	22	29	50
Chi phí tài chính	(0)	(0)	(0)	(0)
Chi phí bán hàng	(10)	(12)	(21)	(27)
Chi phí quản lý	(69)	(76)	(91)	(110)
Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	297	273	331	477
Lợi nhuận/(lỗ) khác	0	(0,1)	(0,2)	2,0
Lợi nhuận trước thuế	297	273	331	479
Lợi nhuận sau thuế	237	217	266	387
LNST cổ đông Công ty mẹ	237	217	266	387

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	222	271	255	414
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	16	(57)	(38)	(234)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(256)	(209)	(131)	(209)
LCT thuần trong kỳ	(18)	5	87	(29)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	60	41	47	134
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	41	47	134	105

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	5,35	3,53	3,08	3,09
Khả năng thanh toán nhanh	1,88	1,03	1,24	0,88
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,70	0,43	0,80	0,43
Khả năng thanh toán lãi vay	-	-	-	-
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,86	0,78	0,75	0,73
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,14	0,22	0,25	0,27
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	-	-	-	-

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	32,83	32,98	26,48	23,57
Số ngày phải trả	7,67	17,20	20,32	24,82
Số ngày tồn kho	3,19	2,94	2,11	1,62

Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	48,7%	48,3%	45,0%	46,5%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	40,3%	39,0%	35,9%	39,4%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	32,2%	30,9%	28,9%	32,0%
ROE	53,3%	50,1%	53,7%	61,1%
ROA	45,0%	41,1%	41,1%	45,3%
ROIC	56,5%	51,3%	60,0%	67,2%

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	41	47	134	105
+ Đầu tư ngắn hạn	191	260	306	530
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	70	66	75	109
+ Hàng tồn kho	3	3	3	3
+ Tài sản ngắn hạn khác	12	12	0	3
Tài sản ngắn hạn	317	388	519	751
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	1	1	1
+ Tài sản cố định	114	97	91	93
+ Đầu tư dài hạn	65	65	65	65
+ Tài sản dài hạn khác	4	4	65	42
Tài sản dài hạn	184	167	222	219
Tổng tài sản	501	555	741	970
+ Vay ngắn hạn	0	0	0	0
+ Phải trả người bán	6	28	29	60
+ Nợ ngắn hạn khác	53	82	140	184
Nợ ngắn hạn	59	110	168	243
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	9	11	14	16
Nợ dài hạn	9	11	14	16
Tổng nợ phải trả	68	121	183	259
+ Vốn cổ phần	262	262	262	262
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	171	172	297	449
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	432	433	558	710
Tổng cộng nguồn vốn	501	555	741	970

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	-0,8%	-4,6%	31,2%	31,6%
Tăng trưởng LNNT	5,7%	-8,0%	21,0%	44,9%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	6,1%	-8,6%	22,9%	45,4%
Tăng trưởng EPS	8,8%	-8,6%	22,9%	45,4%
Tăng trưởng VCSH	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-9,6%	10,8%	33,6%	30,9%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	9,76	13,76	9,33	6,48
P/B	5,36	6,88	4,45	3,54
EV/EBITDA	7,41	10,41	7,09	5,23
EV/Sales	3,09	4,18	2,55	1,99
EPS	9.064	8.285	10.182	14.808
BVPS	16.522	16.563	21.339	27.143

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây